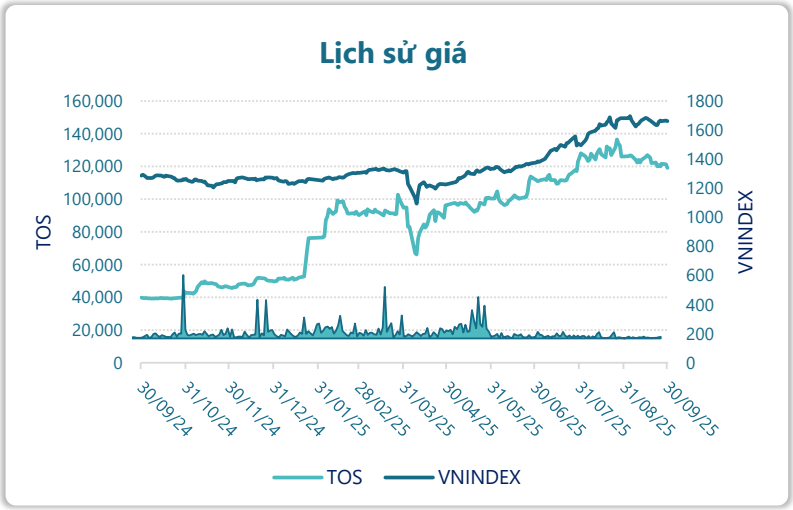
FireAnt

CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng (UPCOM: TOS)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**119,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	136,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,158
SL cổ phiếu LH	44,999,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,460
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,364
P/E	5.7
EPS	20,902

DT thuần

Q3/25

1,358

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0| 3.3%

YoY: ▲ 518| 61.6%

LN sau thuế

Q3/25

325

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 102| 45.8%

YoY: ▲ 218| 204%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

31.9%

+/- YoY: ▲ 12.7%

DT thuần

9T 2025

3,553

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,487| 72.0%

LN sau thuế

9T 2025

763

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 527| 223%

ROE

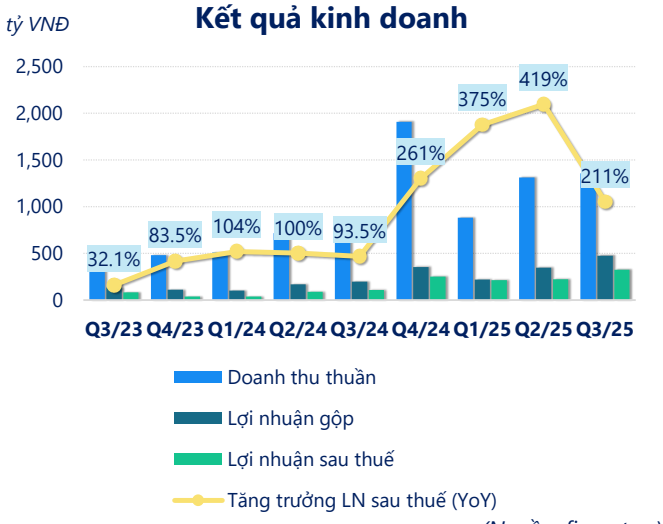
Q3/25

50.6%

+/- YoY: ▲ 30.2%

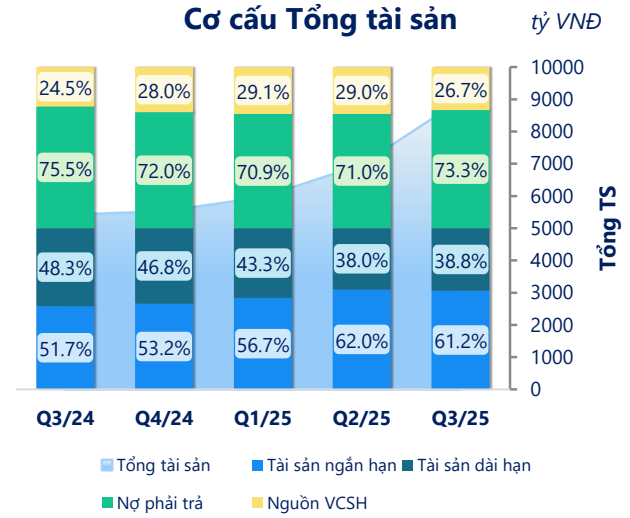
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



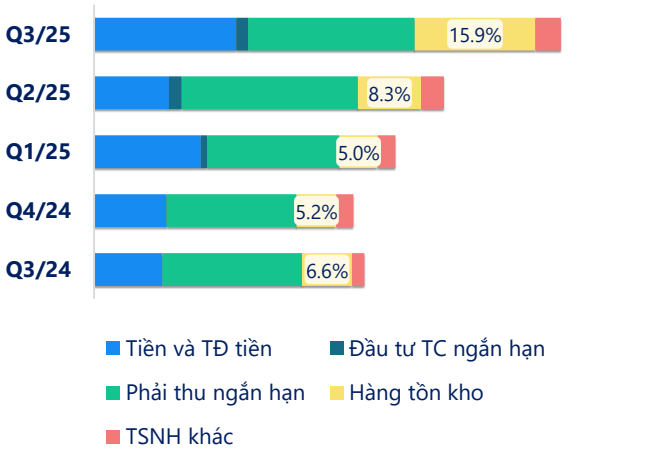
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



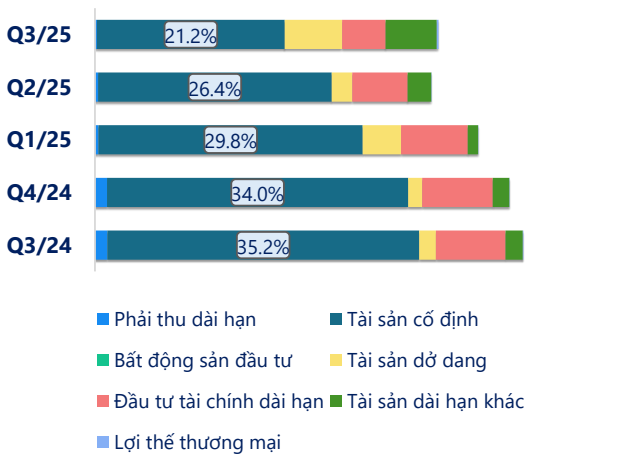
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



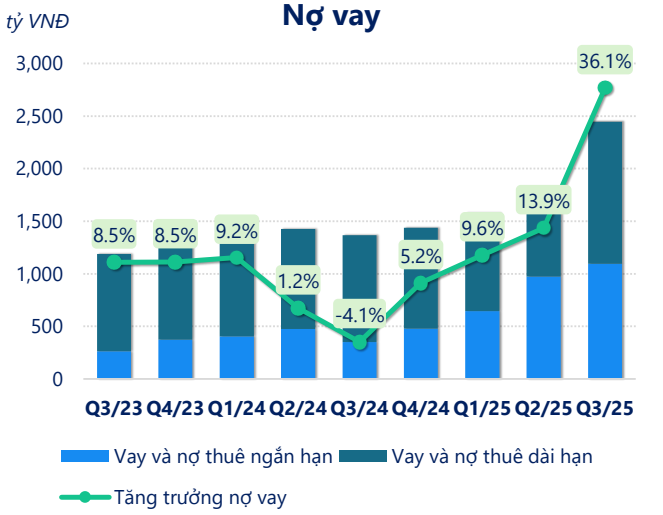
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



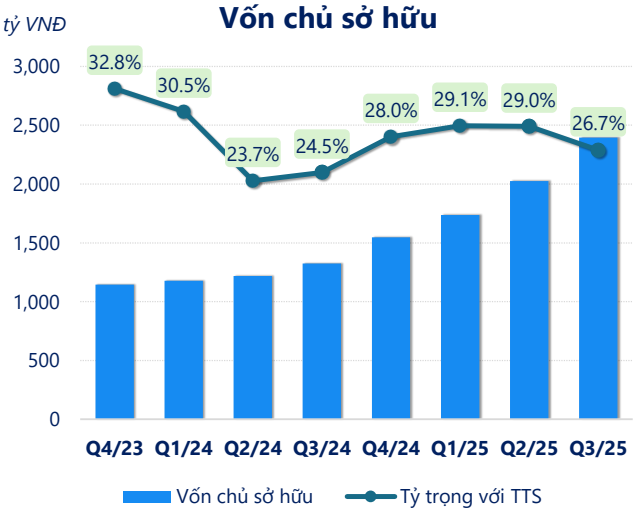
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



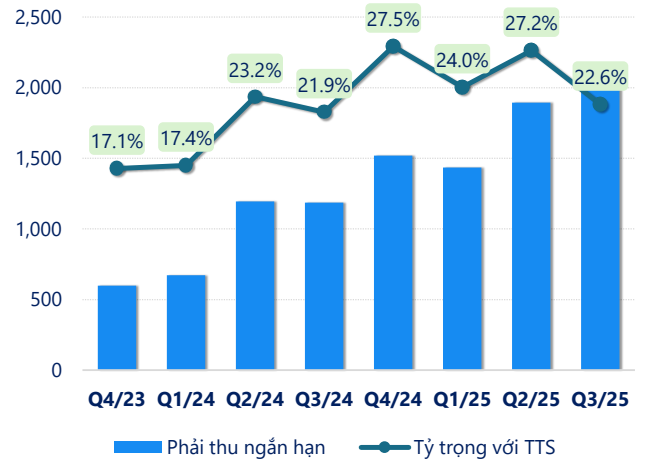
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



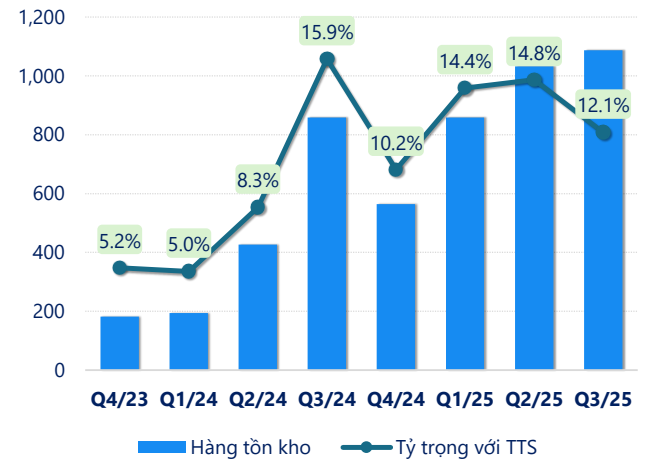
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



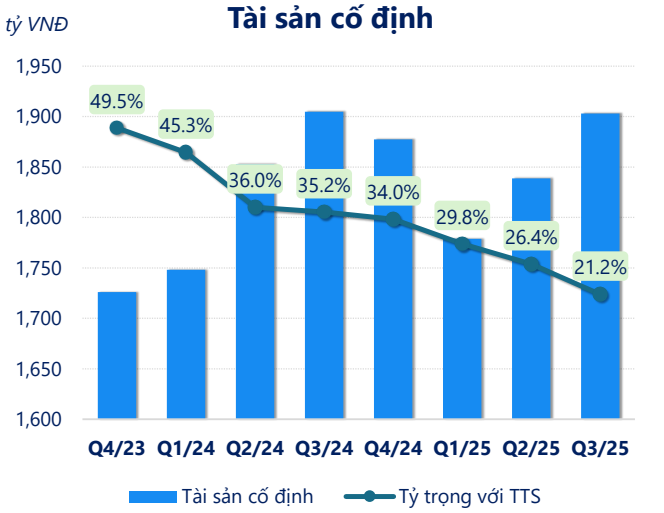
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



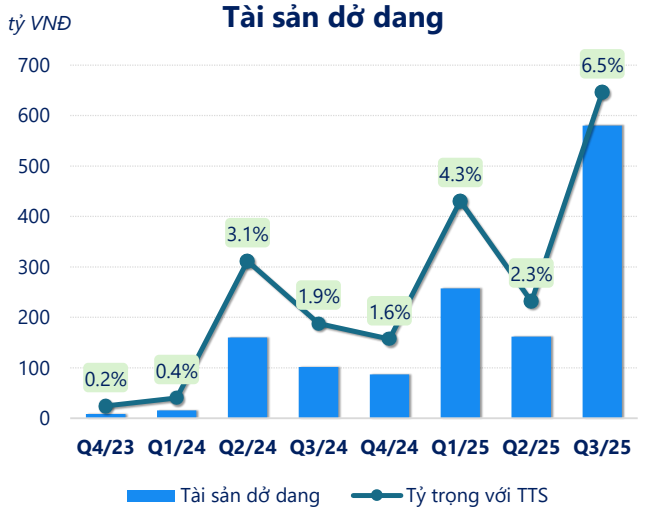
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



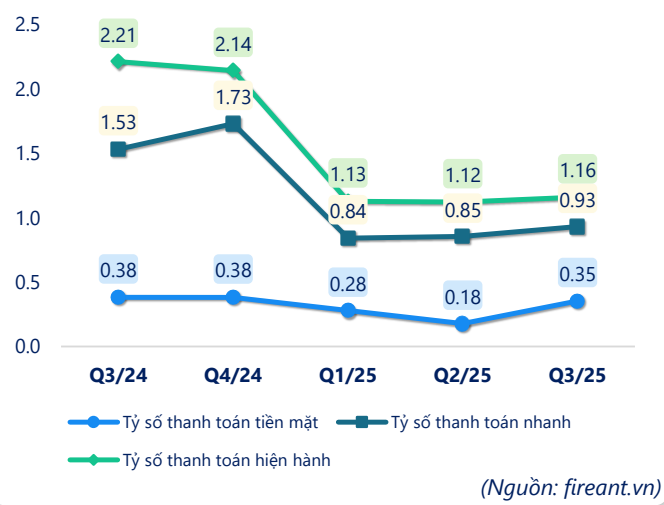
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



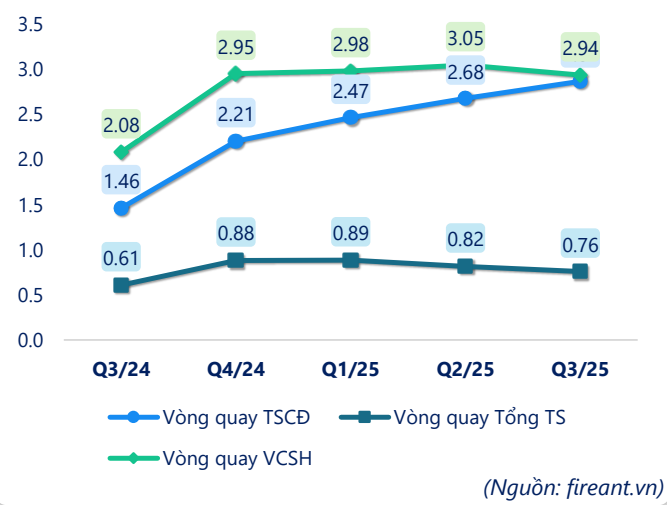
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**5,412**	**5,523**	**5,966**	**6,975**	**8,976**
Tài sản ngắn hạn	**2,796**	**2,938**	**3,384**	**4,326**	**5,497**
Tiền và tương đương tiền	483	523	838	687	1,678
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.3	165	95.5	476	471
Phải thu ngắn hạn	1,187	1,519	1,435	1,894	2,026
Hàng tồn kho	858	565	858	1,032	1,087
Tài sản ngắn hạn khác	182	166	158	237	234
Tài sản dài hạn	**2,615**	**2,585**	**2,582**	**2,649**	**3,479**
Phải thu dài hạn	74.9	74.9	24.2	24.4	19.8
Tài sản cố định	1,905	1,877	1,779	1,839	1,903
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	102	86.6	257	162	580
Đầu tư tài chính dài hạn	426	440	449	437	441
Tài sản dài hạn khác	106	104	71.6	185	517
Lợi thế thương mại	2.08	2.08	1.95	1.89	17.1
Nợ phải trả	**4,087**	**3,975**	**4,229**	**4,949**	**6,580**
Nợ ngắn hạn	**1,265**	**1,372**	**3,003**	**3,857**	**4,742**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	349	479	646	974	1,096
Phải trả người bán ngắn hạn	390	440	416	666	566
Nợ dài hạn	2,822	2,603	1,226	1,091	1,838
Vay và nợ thuê dài hạn	1,017	959	930	822	1,348
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,325**	**1,548**	**1,738**	**2,026**	**2,396**
Vốn chủ sở hữu	**1,325**	**1,548**	**1,738**	**2,026**	**2,396**
Vốn điều lệ	310	310	310	310	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)